TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
số: 07/2018/KDTM-GĐT
Ngày 10-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang, Phó Chánh án

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Hòa

Ông Đặng Xuân Đào

Ông Nguyễn Văn Tiến

Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thái - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa***:

Ông Phương Hữu Oanh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại "*Tranh chấp hợp đồng gia công*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn E;

Địa chỉ: 53 N, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Quách Thái K - Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH E (Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2012);

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn K;

Địa chỉ: 196 H, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H - Kế toán Công ty K (Văn bản ủy quyền ngày 02/10/2013);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty KS;

Địa chỉ: 16 Lin Tzu Li, Tou Nan Chen, Yun Lin Hsein, Taiwan R.O.C;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huang Chun H1 - Phó Tổng giám đốc Công ty KS (Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2013).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2012 được bổ sung ngày 11/01/2013, ngày 18/4/2014, ngày 29/5/2014; bản giải trình đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 9/6/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty trách nhiệm hữu hạn E trình bày:

Tại Biên bản ghi nhớ ngày 24/8/2011 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn E (sau đây viết tắt là Công ty E) với Công ty KS (sau đây viết tắt là Công ty KS) thể hiện: Công ty E sẽ ký hợp đồng chính thức với Công ty KS; Công ty KS mua một phần nguyên vật liệu gửi Công ty E, Công ty E chuyển nguyên vật liệu cho Công ty trách nhiệm hữu hạn K (sau đây viết tắt là Công ty K); Công ty E sẽ ký một hợp đồng gia công với Công ty K; Công ty E thanh toán phí gia công cho Công ty K bằng một phần tiền trong tổng giá trị hợp đồng, số tiền còn lại sẽ trả cho Công ty KS; Công ty E nhập khẩu nguyên liệu từ Công ty KS hoặc tự mua nguyên liệu rồi chuyển cho Công ty K; Khi hợp đồng giữa Công ty KS và Công ty E được ký kết, Công ty E sẽ ứng trước 30% tổng giá trị hợp đồng cho Công ty KS; số tiền 70% còn lại sẽ được thanh toán trước khi Công ty K xuất hàng.

Ngày 10/9/2011, Công ty KS (Bên A) và Công ty E (Bên B) ký Hợp đồng mua bán số 110910/KY với nội dung Công ty KS bán cho Công ty E nguyên liệu thô để sản xuất giầy. Giá trị hợp đồng là 929.620 USD; Bên A sẽ thanh toán 30% cho bên B trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng; phí gia công 173.000 USD sẽ được bên B thanh toán cho Công ty K trong vòng 02 ngày kể từ ngày hàng làm xong; số tiền còn lại sẽ được bên B thanh toán cho bên A muộn nhất 05 ngày trước khi hàng làm xong.

Ngày 12/9/2011, Công ty E (Bên A) và Công ty K (Bên B) ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD (sau đây viết tắt là Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01) với nội dung: Hai bên cùng hợp tác trong sản xuất mặt hàng giầy, dép da các loại (Chi tiết được quy định cụ thể bằng phụ lục đi kèm mỗi đơn hàng). Bên A có trách nhiệm cung cấp công nghệ, mẫu mã, quy cách, nguyên phụ liệu đảm bảo chất lượng và bao bì luân chuyển cần thiết theo định mức sản xuất tổng số sản phẩm cho Bên B. Bên B tổ chức và thực hiện sản xuất các sản phẩm của hợp đồng hợp tác kinh doanh theo công nghệ, mẫu mã, quy cách sản phẩm theo yêu cầu của Bên A. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng. Tỷ lệ phân chia doanh thu bán hàng cho các bên tham gia thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh được thỏa thuận trên cơ sở phần công việc được giao và được quy định chi tiết tại từng bản phụ lục hợp đồng kèm theo (Điều 6).

Ngày 15/9/2011, Công ty K và Công ty E đã ký Phụ lục cho Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01, với nội dung: Công ty K chịu trách nhiệm với Công ty E về việc sản xuất 36 mã hàng giầy theo đơn đặt hàng của khách hàng mua: LLC "Kitorg"... (Các bên đã thực hiện xong các hợp đồng này, không còn vướng mắc gì).

Tiếp đó, trong cùng ngày 26/12/2011, Công ty E (Bên A) và Công ty KS

(Bên B) ký 03 hợp đồng, đó là:

- Hợp đồng mua bán và Phụ lục hợp đồng số111226/KY (sau đây viết tắt là Hợp đồng mua bán số 111226/KY) với nội dung Bên A và Bên B đồng ý tiến hành giao dịch mua nguyên liệu thô và sản xuất giầy xuất khẩu (đối với 41 mẫu giầy trị giá 743.904 USD); Bên A sẽ thanh toán 30% tổng số tiền cho Bên B trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết, tương đương 223.171,2 USD; 70% còn lại sẽ được thanh toán cho bên A muộn nhất 05 ngày trước khi hàng xong…

- Hợp đồng mua bán và phụ lục hợp đồng số 111226-01/KY (sau đây viết tắt là Hợp đồng mua bán số 111226-01/KY) với nội dung Bên A và bên B đồng ý tiến hành giao dịch: Bên A chuyển tiền cho Bên B để Bên B mua nguyên liệu làm giầy...; chi tiết đơn hàng cụ thể sẽ được đề cập trong các phụ lục của hợp đồng này..; Bên A sẽ chuyển số tiền 170.000 USD cho Bên B trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

- Hợp đồng mua bán (2) số 111226/KY với nội dung Bên A và Bên B đồng ý tiến hành giao dịch: Hàng hóa: nguyên liệu thô để sản xuất giầy; Bên A sẽ thanh toán tiền mua nguyên phụ liệu làm giầy cho Bên B trong vòng 03 ngày sau khi nhận được giấy yêu cầu thanh toán do bên B xuất.

Đến ngày 20/02/2012, Công ty E đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán trước 30% giá trị của Hợp đồng mua bán số 111226KY là 223.171,2 USD. Công ty E đã chuyển toàn bộ nguyên liệu cho Công ty K để sản xuất 41 mẫu giầy cho Công ty E. Công ty K đã làm xong 41 mẫu giầy, nhưng Công ty E không xuất khẩu được.

Theo Công ty E trình bày là do Công ty K giao hàng chậm, và 19/41 mẫu giầy bị lỗi, mốc nên khách hàng của Công ty E không nhận hàng. Do vậy, ngày 01/8/2012, Công ty E có văn bản số 0108-01CV-Ecap đơn phương chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 với Công ty K.

Công ty E khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty K bồi thường thiệt hại trong đó có giá trị toàn bộ nguyên vật liệu đã giao cho Công ty K (625.824 USD).

Bị đơn là Công ty K cho rằng Công ty E có cử người đại diện (A. Feng, A. Zhi) hướng dẫn về quy trình công nghệ và giám sát chất lượng trong quá trình sản xuất của Công ty K. Ngoài ra, Công ty K và Công ty KS còn xuất trình các hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết giữa hai bên gồm: Hợp đồng gia công giầy dép xuất khẩu số 01KY/HĐKT ngày 20/8/2005 với thời gian 20 năm, Bản bổ sung phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2011, ngày 21/02/2012 thuộc Hợp đồng gia công số 01KY/HDKT ngày 20/8/2005 đối với 41 mẫu giầy để chứng minh Công ty K gia công 41 mẫu giầy theo chỉ định của Công ty KS;

Về thời gian giao hàng, ngày 13/4/2012, Công ty K và Công ty KS thông báo hàng đã xong; ngày 25/4/2012, Công ty KS chỉ định Công ty K xuất hàng cho Công ty E ngay sau khi Công ty E có chứng từ thanh toán hoàn tất giá trị lô hàng nhưng Công ty E không thực hiện kiểm tra lô hàng, không thanh toán 70%

giá trị còn lại của lô hàng nên Công ty KS không giao hàng cho Công ty E;

Về hàng bị lỗi, mốc, giữa Công ty E và Công ty K chưa có biên bản nào lập giữa hai bên để xác định chất lượng lô hàng. Mặt khác, nếu bị lỗi, mốc vẫn thuộc sở hữu của Công ty KS, vì Công ty E chưa thanh toán số tiền còn lại.

Do vậy, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty KS nhất trí với ý kiến của Công ty K, việc Công ty K gia công 41 mẫu giầy là do Công ty KS chỉ định, nếu có việc tranh chấp về chất lượng gia công thì trách nhiệm thuộc về Công ty KS đối với Công ty E theo Hợp đồng mua bán số 111226/KY ngày 26/12/2011.

Công ty E chưa chuyển 70% giá trị còn lại của lô hàng (nguyên, phụ liệu sản xuất 41 mẫu giầy) cho Công ty KS, nên toàn bộ nguyên, phụ liệu đó vẫn thuộc sở hữu của Công ty KS. Vì vậy Công ty E không có quyền khởi kiện.

Ngày 06/11/2013, Công ty KS có Đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc Công ty E trả số tiền còn thiếu là 520.732,8 USD tương đương 10.977.047.424 VNĐ, đồng thời nhận lô hàng 41 mẫu giầy tại Công ty K theo hợp đồng đã ký kết.

Tại Thông báo số 134/TB-TA ngày 21/4/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã trả lại đơn yêu cầu độc lập do Đơn yêu cầu độc lập thuộc trường hợp điểm d khoản 1 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 28/01/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH E đối với Công ty TNHH K gồm:

- Yêu cầu Công ty TNHH K phải bồi thường toàn bộ giá trị nguyên phụ liệu cho toàn bộ số sản phẩm không đủ tiêu chuẩn chất lượng 41 mẫu giầy theo quy định tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 10/9/2011 với số tiền: 625.824 USD tương đương 13.142.304.000 đồng (1 USD = 21.000 đồng);

- Yêu cầu Công ty TNHH K phạt hợp đồng do chậm giao hàng với số tiền 708.480.000 đồng;

- Yêu cầu Công ty TNHH K phải bồi thường số tiền phạt do không thực hiện được hợp đồng mà Công ty TNHH E phải nộp cho Công ty Kitorg là 4.686.595.200 đồng;

- Yêu cầu Công ty TNHH K phải bồi thường số tiền thiệt hại mà Công ty TNHH E phải nộp cho Công ty Kitorg là 1.640.308.320 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH E yêu cầu Công ty TNHH K phải bồi thường là 20.177.687.520 đồng.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 263/2014/QĐ-ADKCTT ngày 09/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;

Hủy bỏ Quyết định phong tỏa tài khoản số 532/2014/QĐ-TA ngày 24/9/2014

của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;

Giao số tiền bán đấu giá tài sản 2.254.223.000 đồng đang được tạm giữ tại tài khoản số 109.2052.8888.011 mở tại Ngân hàng Techcombank Kiến An, Hải Phòng cho KS.

Ngày 06/5/2015, Công ty TNHH E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 93/2017/KDTM-PT ngày 10/4/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH E, buộc Công ty TNHH K phải bồi thường giá trị nguyên, phụ liệu sản xuất 41 mẫu giầy là 625.824 USD tương đương 13.965.888.000 đồng.

- Bác yêu cầu khác của Công ty TNHH E đối với Công ty TNHH K (về khoản tiền bồi thường Công ty Kitorg). Tổng cộng 6.326.900.520 đồng.

- Giao số tiền bán đấu giá 41 mẫu giầy sau khi trừ chi phí bán đấu giá còn lại 2.254.223.000 đồng cho Công ty TNHH K sở hữu nhưng bảo thủ để bảo đảm thi hành án.

Ngày 21/6/2017, Công ty TNHH K có đơn đề nghị xem xét lại Bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 07/2018/KN-KDTM ngày 09/5/2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 93/2017/KDTM-PT ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo thỏa thuận của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 "…Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng. Tỷ lệ phân chia doanh thu bán hàng cho các bên tham gia thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh được thỏa thuận trên cơ sở phần công việc được giao và được quy định chi tiết tại từng bản phụ lục hợp đồng kèm theo", tức là chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng mà không phải thù lao gia công. Công ty E khởi kiện Công ty K bồi thường thiệt hại toàn bộ giá trị nguyên phụ kiện để gia công 41 mẫu giầy, phạt hợp đồng do chậm giao hàng nhưng lại căn cứ theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 để yêu cầu giải quyết. Do đó, Tòa án các cấp xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng gia công là

chưa chính xác, cần phải thu thập chứng cứ, đánh giá xem xét lại quan hệ pháp luật tranh chấp.

[2] Công ty E và Công ty K thống nhất khai nhận, Công ty K thực hiện gia công 41 mẫu giầy, Công ty E đã nộp đủ 223.171,2 USD là khoản đặt cọc 30% cho Công ty KS theo Hợp đồng mua bán số 111226/KY và hai bên chưa ký Phụ lục hợp đồng đối với 41 mẫu giầy này theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.

[3] Tuy nhiên, Công ty E cho rằng Công ty K vẫn gia công theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01, còn Công ty K cho rằng việc gia công 41 mẫu giầy này là theo chỉ định của Công ty KS tại Hợp đồng gia công Giầy dép xuất khẩu số 01KY/HĐKT ngày 20/8/2005 với thời gian 20 năm và Bản bổ sung phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2011, ngày 21/02/2012 thuộc Hợp đồng gia công số 01KY/HDKT ngày 20/8/2005.

[4] Như vậy, các đương sự khai nhận không thống nhất về số tiền đã nhận để thực hiện các hợp đồng, Tòa án các cấp chưa thu thập chứng cứ làm rõ Công ty K nhận khoản tiền trên cho việc sản xuất hay gia công 41 mẫu giầy theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 hay theo chỉ định của Công ty KS, và chưa làm rõ giữa Công ty E với Công ty KS và Công ty K có liên quan với nhau trong việc gia công 41 mẫu giầy, hay các hợp đồng nêu trên độc lập với nhau, là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các văn bản của Công ty K như văn bản số 001/CV- Kaiyang ngày 10/8/2012 về việc phản hồi nội dung công văn 0108-01/12/CV- ECAP của Công ty E tuyên bố đơn phương chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh; số 120912/CV-KYVN ngày 12/9/2012; số 280912/CV-KYVN ngày 28/9/2012 và đơn đề nghị thanh toán của Công ty K, từ đó, khẳng định Công ty K không vi phạm hợp đồng (giao hàng chậm) nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty E là chưa đủ căn cứ và chưa xem xét toàn diện bản chất của các quan hệ.

[6] Quá trình xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử cho rằng hai bên thực hiện việc mua, bán nguyên liệu thô để xác định quyền sở hữu nguyên liệu thô này thuộc về Công ty E. Do Công ty K gia công chậm, hàng bị lỗi, mốc hỏng không xuất khẩu được nên Công ty K phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số nguyên, phụ liệu cho Công ty E, nên chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty E, buộc Công ty K bồi thường toàn bộ giá trị nguyên, phụ liệu sản xuất 41 mẫu giầy mà Công ty E chuyển cho Công ty K (có tổng trị giá là 625.824 USD) nhưng không phát hiện những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm như phân tích nêu trên, đồng thời không đánh giá mức độ lỗi của các bên trong việc chậm giao hàng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 (nếu có) là sai sót nghiêm trọng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/2018/KN-KDTM ngày 09/5/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 93/2017/KDTM-PT ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đối với vụ án "Tranh chấp hợp đồng gia công" giữa nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn E với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty KS.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND TP. Hải Phòng (kèm hồ sơ);
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKT II TANDTC (02 bản), Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Quang